

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, Ước thực hiện kế hoạch năm 2019; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Công văn số 4538/BKHĐT-TH ngày 03/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, ước thực hiện kế hoạch năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM, ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

A. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Năm 2019 được xác định là năm tăng tốc để hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, làm cơ sở chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh¹ theo chủ đề trọng tâm năm 2019 là “*Tiếp tục tinh gọn bộ máy, biên chế; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; ưu tiên phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và các vấn đề xã hội bức xúc*”; đồng thời, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ², hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và của toàn dân trên địa bàn tỉnh cùng cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019 đạt kết quả tích cực, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

I. Lĩnh vực kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2018.

¹ Ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về Chương trình công tác năm 2019.

² Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 3,5%; khu vực dịch vụ tăng 6,5%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,6%.

- **Về sản xuất công nghiệp:** Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 59.743 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 48,7% kế hoạch năm. Trong đó, GTSX công nghiệp ngoài dầu đạt 14.353 tỷ đồng, tăng 24,1%, đạt 40,1% kế hoạch năm.

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng** đạt 27.500 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 49,2% kế hoạch năm.

- **Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)** tháng 6/2018 tăng 0,59% so với tháng trước; tăng 1,0% so với tháng 12/2017; tăng 3,72% so cùng kỳ năm trước; CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 3,19% so cùng kỳ năm trước.

- **Kim ngạch xuất khẩu** đạt 392 triệu USD, tăng 49,6% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 70% kế hoạch năm.

- **Kim ngạch nhập khẩu** đạt 372 triệu USD, tăng 4% so với cùng kỳ 2018, đạt 61% kế hoạch năm.

- **Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt):** Tiếp tục tăng trưởng ổn định, chất lượng được nâng lên, doanh thu đạt 1.835,5 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ 2017.

- **Tín dụng ngân hàng:** Tổng nguồn vốn huy động đạt 50.000 tỷ đồng, tăng 11,97% so với cuối năm 2018; tổng dư nợ đạt 48.000 tỷ đồng, tăng 8,8%. Tỷ lệ nợ xấu khoảng 2,19% tổng dư nợ.

- **Về sản xuất nông lâm, nghiệp và thủy sản:** Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản đạt 7.723 tỷ đồng, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 48,6% kế hoạch năm.

Về trồng trọt: Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt vụ Đông Xuân đạt 42.808 ha, giảm 0,5% (229 ha) so với cùng vụ năm 2018; sản lượng ước đạt 259.729 tấn, giảm 0,02% (53 tấn). Đã triển khai xây dựng 91 cánh đồng lớn với tổng diện tích 1.612,5 ha, tăng 13 cánh đồng (101,5 ha); năng suất bình quân cao hơn từ 1,5 tạ/ha đến 8,0 tạ/ha so với năng suất bình quân đại trà. Tổng diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác là 154,9 ha.

Về chăn nuôi: Hình thức chăn nuôi chuyển dần từ nhỏ lẻ trong nông hộ sang hình thức chăn nuôi nông gia trại, trang trại; hiện có 85 trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, tăng 02 trang trại so với năm 2018. Bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 8 huyện trên địa bàn tỉnh, làm chết và tiêu hủy 2.180 con, tổng trọng lượng tiêu hủy 99.762 kg.

Về thủy sản: Khai thác thủy sản duy trì được sự ổn định nhờ tăng năng lực đánh bắt và thời tiết thuận lợi, sản lượng thủy sản đạt 138.253 tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 62,8% kế hoạch năm.

- **Về Chương trình xây dựng nông thôn mới:** Đến nay, có 59 xã được

công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân đạt 14,35 tiêu chí/xã, thấp hơn so với bình quân chung của cả nước; toàn tỉnh không còn xã dưới 5 tiêu chí.

- **Về thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị:** Tiếp tục triển khai xây dựng Quy hoạch chi tiết Khu cảng cá và Dịch vụ hậu cần nghề cá Tịnh Kỳ; quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Nam Trường Chinh; điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Bàu Giang; quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị - dịch vụ VSIP Quảng Ngãi - giai đoạn 1B. Tiếp tục bố trí vốn để đầu tư nhiều dự án lớn trên địa bàn tỉnh để phát triển đô thị. Đến cuối tháng 6/2019, tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch đạt 88%/89%; tỷ lệ cây xanh đô thị đạt 71%/72%; tỷ lệ đô thị hoá toàn tỉnh đạt 20,58%/21,27%.

- **Về phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp:** Cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 18 dự án, tổng vốn đăng ký là 10.661 tỷ đồng; trong đó, có 02 dự án FDI với tổng vốn đăng ký là 28 triệu USD. Điều chỉnh 07 dự án, chấm dứt hoạt động 02 dự án. Hiện có 162 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, giải quyết việc làm cho khoảng 41.603 lao động.

- **Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn** khoảng 9.421 tỷ đồng, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 47,7% dự toán năm. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 5.692 tỷ đồng, đạt 34% dự toán năm.

- **Quản lý vốn đầu tư công:** Tổng vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước năm 2019 đã được phân khai là 4.934,811 tỷ đồng; cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 3.823 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.111,811 tỷ đồng. Đến 30/6/2019, giải ngân đạt khoảng 1.763,97 tỷ đồng, đạt 36% kế hoạch đã giao; trong đó: ngân sách địa phương giải ngân đạt 37% kế hoạch; ngân sách Trung ương giải ngân đạt 33% kế hoạch.

- **Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI):** Trong 6 tháng đầu năm cấp mới 02 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 28 triệu USD³; điều chỉnh 04 dự án; thu hồi 01 dự án⁴ với tổng vốn đăng ký 14 triệu USD do nhà đầu tư tự chấm dứt hoạt động; vốn thực hiện ước đạt 115 triệu USD, tăng 5,2 lần so với cùng kỳ năm 2018⁵. Lũy kế đến 10/6/2019, toàn tỉnh có 63 dự án FDI còn hiệu lực⁶ với tổng vốn đăng ký gần 1,8 tỷ USD.

- **Tình hình đầu tư trong nước:** Cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 52 dự án, tăng 03 dự án so với cùng kỳ năm 2018, tổng số vốn đăng ký 13.563 tỷ đồng. Thu hồi 10 dự án với vốn đăng ký 2.165 tỷ đồng.

- **Về quản lý, đăng ký doanh nghiệp:** Đến 30/6/2019, có 450 hồ sơ đăng

³ NM sản xuất, gia công giày dép và khuôn giày Hiệp Ích 02 triệu USD; NM sản xuất sợi và vải Mahang Dung Quất 26 triệu USD.

⁴ Dự án sản xuất thực phẩm công nghiệp Liwayway Quảng Ngãi - Dung Quất.

⁵ Trong đó, tập trung vào một số dự án như: NM sản xuất sợi và vải Xindadong Textiles, NM gia công, sản xuất sợi thun, vải thun và phụ liệu may mặc Freetex Group Việt Nam, Nhà máy tách và hóa lỏng khí công nghiệp...

⁶ KKT 48 dự án, tổng vốn đăng ký 1.621,9 triệu USD; các KCN 09 dự án, tổng vốn đăng ký 78,48 triệu USD; ngoài các khu 06 dự án, tổng vốn đăng ký 89,46 triệu USD.

ký thành lập mới, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2018; vốn đăng ký 4.879,065 tỷ đồng, tăng 1,68 lần so với cùng kỳ; có 186 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 24,4%; có 48 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng 65,5%; có 127 doanh nghiệp hoạt động trở lại.

- **Công tác quản lý tài nguyên môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu:** Giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và công tác đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh; phê duyệt các phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy có xả thải ra môi trường.

II. Lĩnh vực xã hội

- **Về giáo dục và đào tạo:** Hoàn thành tổng kết năm học 2018-2019 và tổ chức tốt công tác thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2019. Đến cuối năm học 2018-2019, toàn tỉnh tăng 02 trường đạt chuẩn quốc gia so với cuối năm 2018. Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh.

- **Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:** Trong 6 tháng đầu năm, có thêm 02 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, lũy kế có 155/184 (84,2%) xã, phường, thị trấn đạt chuẩn; tăng số giường bệnh/vạn dân lên 28,2 giường; tăng tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế lên 90%.

- **Lao động, thương binh và xã hội:** Tổ chức 13 phiên giao dịch việc làm, có hơn 2.750 người được tuyển dụng qua sàn giao dịch. Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 2.978 người. Giải quyết việc làm mới và thêm việc làm cho khoảng 24.354 lao động, đạt 60,1% kế hoạch năm; xuất khẩu lao động 530 người, đạt 27,9% kế hoạch năm; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị 3,5%. Giải quyết cho 700 người hưởng các chính sách, chế độ ưu đãi người có công cách mạng.

- **Văn hóa, Du lịch:** Tập trung tuyên truyền, tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện quan trọng của tỉnh. Tổng lượt khách đạt 600.400 lượt người, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2018; tổng doanh thu đạt 583 tỷ đồng, tăng 6%. Huyện đảo Lý Sơn đã đón 123.567 lượt khách, tăng 7,5% so với cùng kỳ.

- **Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình:** Tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh; phổ biến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Thực hiện kết nối trực liên thông tỉnh với trực liên thông quốc gia. Triển khai ứng dụng chữ ký số cho các cơ quan nhà nước; xây dựng 234 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tập huấn sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung cho các địa phương.

- **Khoa học và Công nghệ:** Tổ chức nghiệm thu và chuyển giao kết quả 07 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Thẩm định công nghệ, thiết bị cho 23 dự án; cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 6 cơ sở hoạt động X-quang y tế; hướng dẫn cho 20 doanh nghiệp đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Tiếp tục

đẩy mạnh thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

III. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

- **Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo:** Đã thực hiện 598 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành tại 1.210 đơn vị; phát hiện 650 đơn vị có sai phạm, với tổng số tiền 4,6 tỷ đồng cùng nhiều sai phạm khác. Các cơ quan hành chính và lãnh đạo tỉnh đã tiếp 2.427 lượt/2.778 người của 1.879 vụ việc. Tiếp nhận và xử lý 4.127 đơn thư các loại; đã giải quyết 726/1.137 vụ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đạt tỷ lệ 63,9%.

- **Công tác tư pháp:** Triển khai thực hiện nghiêm túc công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; 6 tháng đầu năm đã thẩm định 32 lượt dự thảo văn bản quy phạm và đề nghị xây dựng nghị quyết. Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho 3.939 trường hợp, hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp đúng hạn đạt tỷ lệ 99,2%; thực hiện 303 vụ việc trợ giúp pháp lý.

- **Công tác nội vụ:** Thực hiện sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bên trong của một số sở, ngành. Thực hiện thí điểm hợp nhất các cơ quan khối Nhà nước và khối Đảng có chức năng tương đồng. Đến nay, có 18 cơ quan chuyên môn của 09 huyện, thành phố đã hợp nhất với các cơ quan tham mưu, giúp việc thuộc huyện ủy, thành ủy với tổng số biên chế công chức chuyển sang là 144. Đang thẩm định 208 đối tượng tinh giản biên chế của 19 sở, ngành, đơn vị, địa phương. Giao 2.233 biên chế công chức năm 2019 cho các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- **Công tác đối ngoại:** Tăng cường công tác đối ngoại; xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt 72 tỷ đồng với 44 chương trình, dự án. Từ đầu năm đến nay, không có trường hợp tàu cá và ngư dân tỉnh Quảng Ngãi vi phạm vùng biển nước ngoài; có 03 tàu cá hành nghề ở vùng biển Hoàng Sa bị tàu Trung Quốc ngăn cản, lấy tài sản.

- **Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:** Trong 6 tháng đầu năm toàn tỉnh xảy ra 302 vụ xâm phạm trật tự xã hội, giảm 19 vụ (giảm 3,1%); phát hiện 89 vụ/94 đối tượng vi phạm pháp luật về kinh tế, tăng 14 vụ (18,7%); 115 vụ/130 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường, tăng 23 vụ (25%); 74 vụ/173 đối tượng tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy, tăng 02 vụ (2,8%). Xảy ra 188 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 70 người và bị thương 184 người, giảm 09 vụ, 03 người chết, 42 người bị thương so với cùng kỳ năm 2018. Xảy ra 58 vụ cháy, tăng 44 vụ so với cùng kỳ.

B. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về lĩnh vực kinh tế

- Tuy 6 tháng đầu năm 2019 kinh tế có tăng, nhưng còn phụ thuộc lớn vào tình hình hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Mặc dù giá trị sản xuất công nghiệp ngoài dầu tăng cao (tăng 24,1%), nhưng giá trị sản xuất công nghiệp từ dầu giảm (giảm 2,0%) đã tác động đáng kể đến tổng sản phẩm trên địa bàn.

- Ngoài số ít dự án có quy mô lớn như: Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Doosan Vina, Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy, Nhà máy bia Dung Quất, bia Sài Gòn, Nhà máy thép Hòa Phát có công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến thì hầu hết các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, máy móc thiết bị công nghệ thiếu hiện đại, có năng suất lao động, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập thấp. Một số sản phẩm chủ lực ngoài dầu của tỉnh như: dệt may, dăm gỗ, tinh bột mì, thủy sản,... chủ yếu là gia công hoặc sơ chế nên có giá trị tăng thêm thấp.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thiếu ổn định do tác động của thời tiết và giá cả thị trường, trong đó giá cả sản phẩm thịt lợn hơi giảm trong thời gian dài do ảnh hưởng dịch tả lợn Châu Phi, làm người chăn nuôi ngại tăng đàn. Việc chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác còn gặp khó khăn; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị chưa đạt kết quả tốt, là một trong những hạn chế lớn đối với việc mở rộng mô hình, chưa khuyến khích người dân đầu tư cho sản xuất. Ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm chưa được giải quyết, dịch bệnh trên tôm nuôi vẫn còn xảy ra kéo dài chưa kiểm soát tốt.

- Số lượng dự án được cấp phép hoàn thành đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh còn thấp. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, giải thể tăng so với cùng kỳ.

- Chất lượng cải thiện môi trường đầu tư một số mặt còn hạn chế, một số kiến nghị của doanh nghiệp chưa được giải quyết dứt điểm.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác khoáng sản chưa chặt chẽ; chưa có biện pháp cụ thể trong việc theo dõi, kiểm tra, xác định khối lượng khai thác, mục đích sử dụng so với giấy phép được cấp và thực hiện các nhiệm vụ tài chính, bảo vệ môi trường.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng mặc dù đã được tập trung chỉ đạo, nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, nhất là các dự án trọng điểm. Tiến độ giải ngân các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ chậm, giải ngân chủ yếu vẫn tập trung ở các dự án chuyển tiếp thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn thuộc Chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương.

- Việc thực hiện các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh phát sinh nhiều tồn tại; nhiều dự án đầu tư kéo dài, hiệu quả thấp, kết quả đấu giá chưa cao, hạn chế nguồn thu cho ngân sách. Đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị còn thiếu đồng bộ. Công tác quản lý quy hoạch phát triển đô thị, quản lý đầu tư các khu dân cư và thị trường bất động sản còn hạn chế, còn hiện tượng nhiều dự án đầu tư chưa hoàn thiện hạ tầng nhưng đã thông báo bán nền.

2. Về lĩnh vực xã hội

- Nhiều trường rớt chuẩn quốc gia sau khi rà soát, đánh giá lại. Tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định vẫn còn diễn ra. Công tác quản lý chất lượng,

kiểm tra, giám sát ở một số cơ sở giáo dục chưa được coi trọng đúng mức. Một bộ phận giáo viên ngại đổi mới trong dạy học; ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng thiết bị dạy học được trang bị còn nhiều hạn chế. Công tác phân luồng cho học sinh đã được chú trọng nhưng chưa thường xuyên.

- Chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh chưa thật sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân. Tình trạng quá tải ở một số bệnh viện tuyến tỉnh vẫn còn cao. Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao (bác sĩ, cử nhân kỹ thuật) vẫn còn thiếu so với nhu cầu, nhất là tại tuyến huyện.

- Tình trạng nợ đọng, chây ì đóng bảo hiểm xã hội vẫn tiếp diễn. Công tác quản lý, dự báo và kết nối cung cầu lao động còn hạn chế. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo nghề chưa hợp lý; chất lượng và hiệu quả đào tạo của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thiếu sự gắn kết với doanh nghiệp. Tình trạng khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực người có công còn nhiều.

- Đời sống của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn gặp nhiều khó khăn. Tiến độ thực hiện các chính sách dân tộc trong năm 2019 đến thời điểm này vẫn còn chậm, một số chính sách chỉ mới phê duyệt kế hoạch. Dự án xây dựng điểm định canh định cư tập trung Đồng Tranh, thôn Mai Lãnh Hạ, xã Long Mai, huyện Minh Long vừa xây dựng xong đã bị sạt lở, hư hỏng nghiêm trọng. Một số đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác dân tộc.

- Cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đồng bộ. Một số di tích văn hoá, lịch sử trên địa bàn xuống cấp nhưng chưa được đầu tư trùng tu, sửa chữa, nâng cấp; nhiều di tích chưa xác định khu vực bảo vệ, chưa cắm mốc giới di tích nên dẫn đến tình trạng xâm hại di tích. Công tác quản lý hoạt động du lịch còn hạn chế; công tác xúc tiến quảng bá chưa đạt hiệu quả cao; sản phẩm du lịch ít đa dạng. Thể thao thành tích cao phát triển chưa ổn định, chưa có cơ sở và phương tiện tập luyện hiện đại, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tập luyện của vận động viên. Các môn thể thao có thế mạnh chưa được đầu tư phát triển đúng mức.

- Công tác thông tin, tuyên truyền còn nặng tính hình thức, chưa sâu; phản ánh chưa kịp thời những vụ việc gây bức xúc trong dư luận. Công tác đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật đối với những vấn đề nhạy cảm, phức tạp còn lúng túng. Hạ tầng công nghệ thông tin còn thiếu và yếu. Việc khai thác, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và chuyên môn còn chưa phát huy được hiệu quả tốt nhất.

- Tính khả thi một số đề tài khoa học và công nghệ còn thấp; việc ứng dụng mang lại hiệu quả chưa cao; phần lớn các địa phương chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Hiệu quả khai thác và sử dụng các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 chưa cao, trình độ, kỹ năng và nhận thức chung về công nghệ thông tin của người dân và tổ chức còn hạn chế, thói quen thực hiện giao dịch trực tuyến chưa được hình thành.

3. Lĩnh vực nội chính và quốc phòng, an ninh

- Chất lượng kết luận thanh tra của một số đơn vị còn thấp; việc chủ động thanh tra khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của các cơ quan Thanh tra còn hạn chế. Thủ trưởng một số cơ quan chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân và chủ trì đối thoại, còn đùn đẩy cho cấp phó, cấp dưới; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn chậm, nhiều vụ giải quyết trễ hạn theo luật định; tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong 6 tháng đầu năm chưa đạt yêu cầu. Việc nắm bắt tình hình các vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng còn hạn chế; việc xử lý đơn thư tố cáo, thông tin phản ánh về tham nhũng và phát hiện hành vi tham nhũng chưa phát huy được hiệu quả. Có đơn vị vẫn chưa chú trọng đúng mức trong công tác tự kiểm tra nội bộ để phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị sau khi hợp nhất chưa được Trung ương quy định thống nhất, cơ chế, chính sách giữa khối Đảng và Khối Nhà nước sau khi thực hiện hợp nhất vẫn chưa được quy định cụ thể, ảnh hưởng đến quá trình hợp nhất các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch. Hiện nay các cơ quan, đơn vị còn lúng túng, chưa tham mưu ban hành đầy đủ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế kỹ thuật và giá dịch vụ áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công dẫn đến việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị còn chậm.

- Công tác tuyên truyền về hội nhập quốc tế, hướng dẫn triển khai công tác đối ngoại phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch; công tác ngoại giao văn hóa còn hạn chế. Tài liệu giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá của tỉnh chưa đa dạng về nội dung, hình thức. Việc kết nối, mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị, quan hệ hợp tác cấp tỉnh còn hạn chế, chưa kết nối được với các tỉnh, thành phố mới của nước ngoài.

- Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến vấn đề đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp, kéo dài ở một số địa phương. Quá trình đầu tư xây dựng một số dự án kinh tế đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự. Tội phạm lợi dụng công nghệ cao gia tăng, chủ yếu là sử dụng các trang mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tình hình tội phạm liên quan đến “tín dụng đen” vẫn còn tiềm ẩn phức tạp, tội phạm trộm cắp tài sản còn nhiều. Công tác đấu tranh chống tội phạm hình sự lưu động hiệu quả chưa cao

C. NGUYỄN NHÂN

I. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh những tháng đầu năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược, thương mại giữa các nước lớn có chiều hướng căng thẳng; cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến nhiều cơ hội và thách thức, tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện; áp lực ngày càng tăng từ việc thực hiện các cam kết quốc tế; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gia tăng...

- Hầu hết doanh nghiệp Quảng Ngãi có quy mô nhỏ và vừa, thậm chí siêu nhỏ nên gặp nhiều khó khăn trước mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng. Năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp vẫn đang là thách thức tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Mặc dù đã có sự nỗ lực trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, mang lại một số kết quả nhất định qua kết quả đánh giá Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), đồng thời các địa phương khác trên cả nước cũng tập trung cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và có những cải tiến mạnh mẽ, được kết quả đánh giá tốt hơn, cho nên thứ hạng năng lực cạnh tranh của tỉnh vẫn chưa thật sự được cải thiện.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội dẫn đến chất lượng, số lượng đầu việc của một số ngành chưa cao. Nhiều dự án vướng bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được giải quyết dứt điểm dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

- Hệ thống pháp luật, các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Chính phủ quy định về tổ chức, bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị chưa được ban hành mới đồng bộ, kịp thời ảnh hưởng không nhỏ đến công tác triển khai thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy. Cơ chế chính sách về hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được các bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình Chính phủ sửa đổi, ban hành; chưa có hướng dẫn cụ thể của các bộ, cơ quan liên quan.

II. Nguyên nhân chủ quan

- Việc các sản phẩm nông sản, chăn nuôi liên tiếp gặp khó khăn đầu ra và lặp lại điệp khúc “được mùa, mất giá”, thì bên cạnh lý do người nông dân chưa nắm bắt thông tin thị trường kịp thời, làm theo thói quen, kinh nghiệm thì nguyên nhân chủ yếu là công tác dự báo thị trường, khuyến nông, tuyên truyền của các cơ quan nhà nước chưa đạt yêu cầu; chỉ dừng lại ở mức khuyến cáo mà chưa đưa ra được giải pháp lâu dài, căn cơ. Công tác xây dựng kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông sản, chăn nuôi hiệu quả chưa cao.

- Sự phối hợp giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động đào tạo nghề còn hạn chế. Đa phần doanh nghiệp chỉ tổ chức ứng tuyển các lao động đạt yêu cầu mà không tổ chức đào tạo hay bỏ chi phí liên kết với cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề cho lao động. Ngoài ra, một số doanh nghiệp trong đó có cả doanh nghiệp FDI chỉ tuyển dụng lao động phổ thông, chưa qua đào tạo nghề. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp của người học nghề sau khi tốt nghiệp trong thời gian qua.

- Công tác thông tin dự báo thị trường; tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các quy định của pháp luật, các cơ chế chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh chưa được chú trọng. Công tác theo dõi, nắm bắt thông tin về tình hình triển khai dự án, kết quả sản xuất kinh doanh, lao động, việc làm của các doanh nghiệp chưa được triển khai nên chưa có giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

- Chưa đổi mới tư duy, nhận thức về vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân do vậy chưa có cách tiếp cận đúng đắn đối với doanh nghiệp. Đây chính là cản trở chính đối với những nỗ lực cải cách của tỉnh và thu hút đầu tư.

- Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các cấp, các ngành có mặt chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn; sự trì trệ, thiếu tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức vẫn chưa khắc phục triệt để; việc chấp hành, thực thi công vụ của một số đơn vị chưa thực sự xử lý quyết liệt; một vài nơi vẫn còn tình trạng không sát công việc, chất lượng tham mưu, đề xuất thấp, chưa kịp thời; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ còn nhiều hạn chế.

Tóm lại: Trong 6 tháng đầu năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được một số kết quả tích cực: Tổng sản phẩm GRDP tăng (4,4%); giá trị sản xuất công nghiệp tăng, nhất là giá trị công nghiệp ngoài dầu; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng. Sản lượng khai thác thủy sản, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng; từng bước hình thành các khu vực chuyên canh sản phẩm nông sản sạch, theo hướng hữu cơ và theo tiêu chuẩn VietGap. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, xuất khẩu, hoạt động vận tải tăng trưởng tốt; chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ; hoạt động tín dụng ngân hàng tăng trưởng ổn định; du lịch phát triển mạnh. Cấp quyết định chủ trương đầu tư cho nhiều dự án: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và thương mại dịch vụ, sản xuất; tình hình triển khai các dự án công nghiệp trọng điểm được đẩy mạnh, tạo động lực cho tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm. Huy động mạnh mẽ nguồn lực từ xã hội đầu tư hạ tầng đô thị, khu dân cư, góp phần hình thành thành bộ mặt đô thị và nông thôn mới.

Các lĩnh vực xã hội đạt nhiều kết quả tốt. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ có bước phát triển; công tác giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ; công tác đền ơn đáp nghĩa được quan tâm; công tác tạo việc làm đạt hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính được thực hiện mạnh mẽ, kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được duy trì ổn định.

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, thách thức là: Kinh tế tuy có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng không cao, thu ngân sách còn thấp, thu hút dự án FDI chưa nhiều; sản lượng cây lương thực có hạt giảm, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, tình hình tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi còn khó khăn, không ổn định. Xảy ra dịch tả lợn Châu Phi, cháy rừng, hạn hán kéo dài; giá trị giải ngân vốn đầu tư công vượt hơn so với năm trước nhưng còn thấp so với yêu cầu. Tình trạng khai thác lâm sản, khoáng sản trái phép còn diễn biến phức tạp; tiến độ xây dựng nông thôn mới còn chậm so với yêu cầu; vi phạm về môi trường, an toàn thực phẩm còn xảy ra; giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, có một số vụ việc phức tạp, kéo dài với quy mô đông người. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, đời sống chưa phổ biến. Chất lượng một số dịch vụ y tế và nguồn nhân lực tuyến cơ

sở còn hạn chế; đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường chưa đáp ứng yêu cầu. Kỷ luật, kỷ cương hành chính tuy được chú trọng thực hiện nhưng chưa triệt để. Công tác đấu tranh với các loại tội phạm có lúc, có nơi chưa hiệu quả, nhất là tội phạm có tính chất băng nhóm, tình hình tội phạm liên quan đến “tín dụng đen” vẫn còn tiềm ẩn phức tạp; tai nạn giao thông chưa được kiểm chế.

D. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Dự kiến khả năng đạt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 theo Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh như sau:

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ HĐND (tỉnh giao)	Ước TH năm 2019	So sánh
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng (Giá so sánh 2010)	%	6,5-7,0%	6,5	Đạt
	<i>Trong đó: GRDP không tính sản phẩm lọc hóa dầu tăng (Giá so sánh 2010)</i>	%	12,0-12,5%	10,1	Chưa đạt
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	USD/người	2.682	2.742	Vượt
		Triệu đồng/người	63,0	64,4	
3	Cơ cấu kinh tế				
	- Công nghiệp – Xây dựng	%	52-53%	53,4	Vượt
	- Dịch vụ	%	30-31%	29,3	Xấp xỉ đạt
	- Nông, lâm, thủy sản	%	16-17%	17,3	Vượt
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.000-32.000	32.000	Đạt
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	20.000	18.063	Chưa đạt
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	560	721	Vượt
7	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	21,37	21,27	Xấp xỉ đạt
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	25 ⁷	21	Chưa đạt
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	41	41	Đạt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	53	53	Đạt

⁷ Chỉ tiêu kế hoạch xã nông thôn mới đạt chuẩn điều chỉnh theo Nghị quyết

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ HĐND (tỉnh giao)	Ước TH năm 2019	So sánh
	nghề				
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia				
	- Mầm non	%	40,19	40,19	Đạt
	- Tiểu học	%	73,02	74,74	Vượt
	- Trung học cơ sở	%	71,86	75,31	Vượt
	- Trung học phổ thông	%	57,89	61,11	Vượt
11	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	27,3	27,3	Đạt
	Số bác sỹ/ 1 vạn dân	Bác sỹ	6,80	7,20	Vượt
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74	74	Đạt
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	8,5	8,5	Đạt
	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	90,7	90,7	Đạt
12	Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội	%	17	17	Đạt
13	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa				
	- Gia đình văn hoá	%	85	87	Vượt
	- Thôn, khối phố văn hoá	%	85	85	Đạt
	- Cơ quan, đơn vị văn hoá	%	91	93	Vượt
14	Tỷ lệ giảm hộ nghèo giảm	%	1,60	1,60	Đạt
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi giảm	%	5,48	5,48	Đạt
15	Tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch	%	89	89	Đạt
	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93	93	Đạt
	Tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại	%	55	55	Đạt
	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế đạt chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	85	85	Đạt
16	Tỷ lệ che phủ rừng				
	Có tính cây phân tán	%	51,9	51,1	Chưa đạt
	Không tính cây phân tán	%	51,0	50,1	Chưa đạt
17	Xây dựng xã, phường, thị	%	92	92	Đạt

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ HĐND (tỉnh giao)	Ước TH năm 2019	So sánh
	trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh				
	<i>Trong đó: vững mạnh, toàn diện.</i>	%	55	55	Đạt
18	Xây dựng xã, phường, thị trấn, đạt tiêu chuẩn “ <i>An toàn về an ninh trật tự</i> ”	%	90	90	Đạt
	Doanh nghiệp đạt chuẩn “ <i>An toàn về an ninh trật tự</i> ”	%	70	70	Đạt

Trên cơ sở tình hình thực hiện thực tế tại địa phương, tỉnh Quảng Ngãi dự báo trong 18 chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao năm 2019 có 15/18 chỉ tiêu đạt kế hoạch, trong đó một số chỉ tiêu vượt kế hoạch như: GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành), Kim ngạch xuất khẩu, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, Số bác sỹ/ 1 vạn dân, Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa ... Còn 03 chỉ tiêu chưa đạt: (1) Tổng thu ngân sách trên địa bàn, (2) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới, (3) Tỷ lệ che phủ rừng. Từ nay đến cuối năm, tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phấn đấu đạt và vượt kế hoạch HĐND giao.

E. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

Trong những tháng cuối năm 2019, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, phấn đấu hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung xây dựng hoàn thành Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Triển khai các bước lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để tư vấn điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Xây dựng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Đẩy mạnh công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; tập trung giải quyết các vướng mắc về thủ tục đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, làm cơ sở để thu tiền sử dụng đất đối với các dự án bất động sản. Chống thất thu thuế trong hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, lĩnh vực kinh doanh vận tải nhằm bù đắp phần giảm thu ngân sách do giá dầu xuống thấp.

4. Về nông nghiệp: Tiếp tục theo dõi dịch tả lợn Châu Phi, khống chế không để lan rộng; có phương án chống hạn, phòng chống cháy rừng; lập kế hoạch tiết kiệm nước, đảm bảo nước sinh hoạt cho người dân và nước dùng cho gia súc khu vực miền núi. Nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Phát triển nuôi trồng thủy sản.

5. Tập trung chỉ đạo phân đấu đưa 25 xã và 02 huyện theo kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu ở 26 thôn thuộc các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

6. Về giáo dục: Tổ chức tốt kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2019; triển khai công tác tuyển sinh và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho năm học mới 2019-2020; đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ và giải ngân vốn Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; tiếp tục triển khai Kế hoạch chống xuống cấp cơ sở vật chất trường học và mua sắm trang thiết bị dạy và học giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố chủ động bố trí kinh phí để đầu tư sửa chữa, nâng cấp các cơ sở giáo dục mầm non.

7. Về y tế: Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế; tích cực phối hợp, thúc đẩy vay vốn ODA để đầu tư cơ sở vật chất tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh góp phần ngày càng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

8. Về lao động, việc làm: Rà soát nhu cầu lao động, việc làm tại các Khu công nghiệp, khu kinh tế; tư vấn hướng nghiệp tốt tại các trường THCS và THPT nhằm thúc đẩy giáo dục đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu lao động trên địa bàn tỉnh.

9. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tăng cường công tác thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai dự án trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: đưa khí từ mỏ Cá Voi Xanh vào bờ, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện các dự án điện khí tại Khu kinh tế Dung Quất...; Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất; Khu Đô thị Công nghiệp Dung Quất; các dự án đã cấp phép đầu tư trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP; các dự án nông nghiệp công nghệ cao; các dự án du lịch nghỉ dưỡng (như: FLC, King Bay - Sa Huỳnh, Khu văn hóa tâm linh Thiên Mã...).

10. Tiếp tục hỗ trợ tháo gỡ các thủ tục còn vướng mắc và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trọng điểm đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh như: Dự án Mở rộng, nâng cấp QL1 đoạn qua địa bàn tỉnh (hoàn thành Dự án trong năm 2019); tuyến đường Trì Bình - cảng Dung Quất (hoàn thành trong năm 2019 để đầu nối với đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi); kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2); tuyến đường trực liên cảng Dung Quất 1; tuyến đường trục chính Bắc và Nam đô thị Vạn Tường; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 2); đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa; cầu Cửa Đại; Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (khởi công ngày 02/7/2019); cầu sông Rin; bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất.

11. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2019. Hàng tháng họp trực báo để kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, kịp thời điều chuyển vốn qua dự án khác có nhu cầu và khả năng giải ngân tốt, tránh việc chuyển nguồn.

12. Về nội chính, tổ chức: Sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh giản biên chế theo quy định; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước xây dựng chính quyền điện tử.

13. Tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, các điểm nóng trên địa bàn tỉnh. UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, UBND tỉnh chỉ giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền hoặc vượt thẩm quyền giải quyết của cấp dưới.

14. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn để ngư dân chấp hành pháp luật khi khai thác tài nguyên biển; xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

Phần 2

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

A. MỤC TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. Mục tiêu tổng quát

Quyết tâm đẩy mạnh cải cách hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; tập trung hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập.

Tập trung các nguồn lực để tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất 3 nhiệm vụ đột phá, 3 nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, tạo đà cho sự phát triển giai đoạn 2021-2025.

II. Chỉ tiêu chủ yếu

(1) Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) (giá SS 2010) đạt: 6 - 7%.

** Tốc độ tăng GRDP không tính sản phẩm lọc hóa dầu tăng: 14 - 16%*

(2) GRDP bình quân đầu người: 69,51 triệu đồng/người/năm (tương đương 2.842 USD/người/năm).

(3) Cơ cấu kinh tế (%):

- Công nghiệp-xây dựng : 52-53%

- Dịch vụ : 29-30%

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản : 16-17%
- (4) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: khoảng 27.000 – 30.000 tỷ đồng
- (5) Tổng thu ngân sách trên địa bàn: *** tỷ đồng
- (6) Kim ngạch xuất khẩu: 780 triệu USD
- (7) Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh: 23,1%
- (8) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 18 xã
- (9) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn 40%. Tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 55%.
- (10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non: 41,12%; Tiểu học: 79,79%; Trung học cơ sở: 76,58%; Trung học phổ thông: 63,88%.
- (11) Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã): 28,5%; số bác sỹ/vạn dân: 7,3 bác sỹ; tuổi thọ trung bình: 74 tuổi; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tăng 8,4%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: 91%.
- (12) Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội: ***%
- (13) Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa: Gia đình văn hóa 88%; thôn, khối phố văn hóa 78%; cơ quan, đơn vị văn hóa 96%.
- (14) Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 1,62%, trong đó miền núi giảm 5,89%.
- (15) Tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch 90%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 95%; tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại 60%; tỷ lệ xử lý chất thải y tế đạt chuẩn, quy chuẩn quốc gia 85%.
- (16) Tỷ lệ độ che phủ rừng: có tính cây phân tán 52,0%; không tính cây phân tán 50,6%.
- (17) Xây dựng xã phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng đạt 92%. *Trong đó: có 55% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện.*
- (18) Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*” trên 95%; doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*” trên 70%.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2020

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Tập trung xây dựng Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021- 2030, định hướng đến 2045. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phê duyệt xây dựng vùng các huyện Minh Long, Sơn Tịnh, Sơn Hà; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi; các quy hoạch phân khu trung tâm đô thị các xã dự kiến lên phường của Đức Phổ và các đồ án quy hoạch khác theo quy định.

Trên cơ sở nghiên cứu các cơ chế, chính sách của Trung ương, của vùng tiến hành rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách hiện có, đồng thời ban hành một số cơ chế chính sách mới phù hợp với tình hình thực

tiền của tỉnh. Trong đó chú trọng đến chính sách thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao...

2. Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tổ chức phân tích đánh giá kết quả PCI năm 2019, đề xuất giải pháp cải thiện thực hiện năm 2020 và các năm tiếp theo; tập trung cải thiện các chỉ số thành phần có kết quả đánh giá còn hạn chế: tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, gia nhập thị trường và đào tạo lao động, tính minh bạch và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp... Triển khai thiết lập đa dạng kênh thông tin để tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp về kết quả thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là kênh tiếp nhận thông tin qua bộ chỉ số DDCI.

Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; tổ chức xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, có địa chỉ cụ thể; chọn lọc và thu hút được những Nhà đầu tư có thực lực và thực sự muốn đầu tư. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư "tại chỗ". Tăng cường sự phối hợp với giữa sở, ngành và địa phương trong việc hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục; phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mô hình "Cà phê doanh nhân và Hỗ trợ khởi nghiệp"; gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp. Triển khai kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng các lớp khởi sự, ươm mầm doanh nghiệp và các lớp chuyên sâu. Hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng, đào tạo lao động gắn với nhu cầu.

Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng, ưu tiên đối với những lĩnh vực công nghiệp, logistics, công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng đô thị, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, dự án sản xuất sâu các mặt hàng nông sản mang lại giá trị thương mại cao; dự án có sự lan tỏa mạnh mẽ đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các dự án an sinh xã hội, công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp "xanh", thân thiện với môi trường.

3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh phát triển công nghiệp. Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm, quy mô lớn trên địa bàn KKT Dung Quất như: Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất, Khu Đô thị Công nghiệp Dung Quất, Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP...

Tiếp tục huy động các nguồn lực hoàn thiện hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất, các khu, cụm công nghiệp, nhất là nguồn lực của các nhà đầu tư, kinh doanh hạ tầng. Tích cực phối hợp các bộ, ngành Trung ương, tỉnh Quảng Nam và Nhà đầu tư thực hiện Dự án đưa khí từ mỏ Cá Voi Xanh vào bờ, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện các dự án điện khí tại Khu kinh tế Dung Quất...

Đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, phát triển các phân ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí phục vụ công nghiệp chế biến, Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ nguồn phế thải (tro, xỉ) của ngành công nghiệp luyện kim.

4. Thực hiện hiệu quả Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. Có biện pháp tích tụ ruộng đất, trước hết là dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn; ứng dụng cơ giới hoá, khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng, lợi thế, phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng sản xuất chăn nuôi và thủy sản trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường nông sản, chăn nuôi. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, nâng cao năng lực của các hợp tác xã, đẩy mạnh liên doanh; xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ. Chuyển đổi mùa vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi phù hợp; quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước tưới cho cây trồng. Củng cố hạ tầng thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương và các công trình phòng, chống ngập úng, bảo đảm an toàn trong sản xuất nông nghiệp.

6. Tiếp tục hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới theo Nghị định 67 và 89 của Chính phủ nhằm hiện đại hoá tàu cá và nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản xa bờ. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp từ khai thác thủy sản ven bờ, nghề lưới kéo nghề lặn sang ngành nghề, dịch vụ khác. Chú trọng nuôi thủy sản gắn với bảo vệ môi trường; phát triển nuôi thủy sản theo hình thức thâm canh.

Thực hiện nghiêm Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai, bão, lũ, lụt. Chủ động phòng chống, né tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, ổn định và phát triển sản xuất.

7. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; kịp thời hỗ trợ xi măng cho các xã xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế hỗ trợ 100% xi măng của UBND tỉnh. Phân đầu năm 2020, hoàn thành 18 xã và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

8. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng. Thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi và hải đảo hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Xây dựng, triển khai mô hình thí điểm Điểm bán hàng Việt với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”. Xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Tổ chức Hội chợ thương mại quốc tế Quảng Ngãi năm 2020. Tổ chức, tham gia và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, hội chợ cấp vùng, hội chợ thương mại quốc tế. Tiếp tục quảng bá, đưa các mặt hàng thực phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh đã có chứng nhận an toàn, có chỉ dẫn xuất xứ hàng hóa vào các hệ thống siêu thị, trung tâm phân phối trong và ngoài tỉnh.

9. Triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp nhằm hoàn thành vượt dự toán ngân sách năm 2020; đẩy nhanh xử lý nợ đọng thuế xuống còn dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Thực hiện điều hành chi thường xuyên trong dự toán được giao, ngân sách không bổ sung ngoài dự toán trừ trường hợp được cấp thẩm quyền cho phép. Chỉ được phép thực hiện và giải ngân trong phạm vi vốn được giao, không để phát sinh nợ đọng mới.

10. Huy động, sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông và phát triển đô thị. Trong năm 2020, hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án lớn góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh như: cầu Cửa Đại, Cảng Bến Đình, Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa, Đường Ba Tơ - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)... Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các công trình chuyển tiếp nhất là các công trình lớn của tỉnh như: Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2); Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trà Bồng; Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước; Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2; Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - đá Chát), từ KM0-KM8; Tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 2...

Quản lý chặt chẽ các quy hoạch xây dựng, đô thị đã được phê duyệt, nhất là quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bờ sông Trà Khúc, sông Trà Bồng, quy hoạch 1/2000 huyện Lý Sơn,... Rà soát nội dung các đồ án quy hoạch xây dựng, Chương trình phát triển đô thị so với điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương để kịp thời điều chỉnh. Năm 2020, tập trung kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các dự án kinh doanh bất động sản, kịp thời có giải pháp chấn chỉnh, đẩy nhanh tiến độ các dự án.

11. Hoàn thiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ 05 năm; lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu năm 2021. Tăng cường quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi. Điều tra, khảo sát lập dự án xây dựng bảng giá đất năm 2020, thực hiện thí điểm trên địa bàn Thành phố Quảng Ngãi, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi. Thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính từ đất đã thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp giao cho nhân dân trong vùng sản xuất tại các huyện Ba Tơ, Trà Bồng và Tây Trà, Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ.

Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Xây dựng, ban hành các tiêu chí về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư tại địa phương; danh mục các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư ở tỉnh.

II. Lĩnh vực xã hội

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

Triển khai đảm bảo tiến độ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh về tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2024. Từng bước giải quyết tình trạng mất cân đối, thừa, thiếu cục bộ giáo viên; nâng cao chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn cán bộ quản lý.

Đầu tư, xây dựng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, chống rớt chuẩn. củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục miền núi. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Năm 2020, phấn đấu tăng 02 trường Mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS, 01 trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

2. Tiếp tục triển khai đồng bộ kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế; tiếp tục thu hút bác sỹ đa khoa về công tác tại tỉnh. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện trong tỉnh. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng và y tế cơ sở, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra; phấn đấu 90% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Thực hiện các biện pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

Tăng cường đầu tư cơ sở về vật chất, trang thiết bị, đào tạo cán bộ tại tất cả các tuyến. Tiếp tục triển khai Đề án về xã hội hoá y tế; mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi xây dựng bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài công lập; khuyến khích cơ sở y tế công lập liên kết với các cá nhân, doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh.

Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thông tin y tế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. Xây dựng Đề án chuyển Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm trực thuộc UBND tỉnh về trực thuộc Sở Y tế, tiến đến trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh (sau năm 2020); Đề án giải thể Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Bắc (huyện Sơn Tịnh) và Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Khê (thành phố Quảng Ngãi).

3. Tiếp tục thực hiện chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách tiền lương, cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; thực hiện tốt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp đến năm 2021”. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ xuất khẩu lao động; phát huy có hiệu quả các Phiên giao dịch việc làm. Chủ

động và kịp thời nắm bắt nhu cầu, kết nối và cung ứng lao động cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, của các tổ chức xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cung cấp dịch vụ đào tạo nghề có chất lượng, gắn kết quả đào tạo với giải quyết việc làm theo địa chỉ. Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo liên thông chất lượng cao từ trung cấp lên cao đẳng đối với đối tượng tốt nghiệp THCS (mô hình 9+).

Tổ chức nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đầy đủ, toàn diện và kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là người có công cách mạng, dân tộc thiểu số, người nghèo và trẻ em. Chú trọng công tác giải quyết hồ sơ tồn đọng đối với người có công. Đẩy mạnh công tác vận động, duy trì và tổ chức tốt các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, đặc biệt là chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở. Lồng ghép vấn đề nghèo ở trẻ em trong chính sách tiếp cận giảm nghèo đa chiều. Rà soát, đánh giá, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nâng mức hỗ trợ trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội cao hơn mức Trung ương quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ theo lộ trình thực hiện từ năm 2021- 2025.

4. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, tuyên truyền các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm, các sự kiện chính trị của tỉnh, của cả nước. Phát triển sâu rộng, chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Tổ chức trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch của tỉnh. Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hoá các hoạt động văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

Đẩy mạnh các hoạt động thể thao cả về quy mô và chất lượng; phát động phong trào thể dục, thể thao sâu rộng trong quần chúng nhân dân; đảm bảo chương trình giáo dục thể chất trong nhà trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao trong chương trình xây dựng lực lượng vận động viên kế thừa và nâng cao thành tích thi đấu thể thao thành tích cao.

Triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, phát triển nguồn nhân lực du lịch. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến du lịch, quảng bá hình ảnh du lịch tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tập trung hỗ trợ, phát triển các hoạt động du lịch; phối hợp, hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh như: Quần thể du lịch, nghỉ dưỡng và đô thị FLC, suối nước nóng Nghĩa Thuận, khu du lịch sinh thái Bãi Dừa...

5. Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với trách nhiệm sử dụng kết quả nghiên cứu, phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp, các ngành và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Áp dụng cơ chế khoán chi để nâng cao hiệu quả nghiên cứu các đề tài khoa học và công nghệ. Vận động thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để huy động các nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ. Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện các dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn các huyện, thành phố.

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh triển khai các chương trình khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ doanh và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa trong giai đoạn 2016-2020.

III. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

1. Tập trung công tác thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đối với công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất, tài nguyên, quản lý ngân sách, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công... Ưu tiên tập trung cho công tác phòng ngừa phát sinh khiếu nại, tố cáo và phòng ngừa xảy ra tiêu cực, tham nhũng. Giải quyết có chất lượng các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phấn đấu đạt tỷ lệ giải quyết trên 85% đối với các vụ việc mới phát sinh. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai ở các địa phương còn tồn đọng nhiều.

Đối với thanh tra chuyên ngành, tập trung tham mưu vào những ngành, lĩnh vực có nhiều tồn tại mà xã hội đang quan tâm, bức xúc như: phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường. Tập trung rà soát, xử lý trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật. Triển khai thi hành có hiệu quả Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường; chú trọng phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ hòa giải ở cơ sở để kịp thời giải tỏa các mâu thuẫn, tranh chấp tại cộng đồng dân cư.

Tổ chức tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ tư pháp như lĩnh vực luật sư, giám định tư pháp, công chứng, đấu giá tài sản; đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công tác trợ giúp pháp lý. Tăng cường các hoạt động thanh tra chuyên ngành, nhất là trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp.

3. Tiếp tục triển khai các Nghị quyết Trung ương 6: Nghị quyết số 18-NQ/TW “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”... Sắp xếp các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện sau khi Chính phủ ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Triển khai thực hiện Đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Đề án chính quyền một cấp ở huyện đảo Lý

Son. Ban hành quy định chế độ, chính sách cho cán bộ công chức viên chức dôi dư do sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Hợp nhất Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án đầu tư và Ban Quản lý cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các huyện đồng bằng trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, công bố, công khai, minh bạch thủ tục hành chính. Triển khai công tác đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2020.

4. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm; tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển. Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho ngư dân về hành nghề kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, không xâm phạm vùng biển các nước để khai thác thủy sản.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- Cục Thống kê tỉnh;
- VPUB: C,PCVP, các P.nghiên cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.THptth270.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng